

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Xây dựng tuyến đường khung A4, Khu A5 thuộc Khu trung tâm khu đô thị Tây Hồ Tây (giai đoạn 2)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND phường Xuân Đình)

I. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT VÀ CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN:

1. Họ và tên người sử dụng đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật):

- Địa chỉ thường trú:

2. Họ và tên chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật):

- Địa chỉ thường trú:

3. Địa chỉ nơi thu hồi đất:

4. Tổng số nhân khẩu hiện tại nơi thu hồi đất: 2 khẩu

5. Tổng diện tích đất đang sử dụng: 327.80 m²

Trong đó:

- Diện tích đất trong chỉ giới thu hồi tại dự án: 327.80 m²;

Trong đó:

+ Theo Giấy xác nhận ngày 14/4/2022 của UBND phường Xuân La: Đất nông nghiệp thể hiện trong sổ bộ thuế 2001 của HTX nông nghiệp Việt Triều (đúng tên bà Nguyễn Thị Miên): 306.37 m²;

+ Đất nông nghiệp không thể hiện trong sổ bộ thuế năm 2001 của HTX nông nghiệp Việt Triều: 21.43 m²;

- Diện tích đất ngoài chỉ giới thu hồi tại dự án: 0.00 m²

II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ:

1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:

| Stt | Nội dung bồi thường, hỗ trợ về đất | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá (đồng/m ²) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|----------------|--|----------------|------------|--------------------------------|------------------|-------------------|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(4)x(5)x(6) | (8) |
| 1 | Hỗ trợ: Đất nông nghiệp thể hiện trong sổ bộ thuế 2001 | m ² | 90.0 | 290,000 | 100% | 26,100,000 | Theo Khoản 1, phụ lục Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 |
| 2 | Hỗ trợ: Đất nông nghiệp thể hiện trong sổ bộ thuế 2001 sử dụng ổn định trước 01/7/2004 | m ² | 237.8 | 290,000 | 100% | 68,962,000 | |
| Tổng cộng: (A) | | | | | | 95,062,000 | |

2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi:

2.1. Bồi thường đối với nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc:

| Stt | Tên tài sản (loại nhà, công trình, quy cách...) | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Giá trị xây mới (đồng) | Thời gian khấu hao (năm) | Thời gian đã qua sử dụng (năm) | Giá trị hiện có (đồng) | Tỷ lệ hỗ trợ % | Mức bồi thường (không quá 100% giá trị xây mới) (đồng) | Ghi chú |
|----------------|---|----------------|------------|----------------|------------------------|--------------------------|--------------------------------|------------------------|----------------|--|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6)=(4)x(5) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 1 | Nhà tạm tường xây gạch 110, mái lợp tôn, nền lát gạch, có khu phụ, cao 2,5m | m ² | 58.96 | | | | | | 50% | 0 | Không BHTT theo Khoản 2 điều 105 Luật Đất đai 2024 và hướng dẫn số 1924/SNNMT-QHKHSDĐ của Sở Nông nghiệp và môi trường thành phố Hà Nội ngày 12/2/2026 |
| 2 | Nhà tạm tường xây gạch 110, mái lợp tôn, nền lát gạch men, không có khu phụ, cao 4,5m | m ² | 25.4 | | | | | | 50% | 0 | |
| 3 | Sân lát gạch | m ² | 68.01 | | | | | | 0% | 0 | |
| 4 | Sân láng xi măng | m ² | 16.0 | | | | | | 0% | 0 | |
| 5 | Giếng khoan | giếng | 1 | | | | | | 0% | 0 | |
| 6 | Bể nước | m ³ | 2.0 | | | | | | 0% | 0 | |
| 7 | Mái vẩy tôn | m ² | 4.8 | | | | | | 0% | 0 | |
| 8 | Gác xếp gỗ | m ² | 7.2 | | | | | | 0% | 0 | |
| Tổng tiền: (B) | | | | | | | | | | 0 | |

2.2. Bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, vật nuôi:

| Stt | Tên tài sản | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Tỷ lệ BT, HT | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|----------------|--------------------------|-------------|----------|---------|--------------|-------------------|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(4)x(5)x(6) | (8) |
| 1 | Trứng cá, dk=0,15m, h=4m | cây | 4 | 115,500 | 0% | 0 | Không BHTT theo Khoản 5 Điều 18a, Quyết định 10/2026/QĐ-UBND ngày 18/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội |
| 2 | Gáo, dk=0,1m, h=3m | cây | 3 | 73,500 | 0% | 0 | |
| Tổng tiền: (C) | | | | | | 0 | |

3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:

| Stt | Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Tỷ lệ | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|----------------|-----------------------------------|-------------|------------|---------|-------|-------------------|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(4)x(5) | (8) |
| 1 | Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: | | | | | | Sẽ phê duyệt bổ sung sau khi bàn giao mặt bằng đúng quy định |
| Tổng tiền: (D) | | | | | | 0 | |

4. Phương án tái định cư:

| Stt | Thông tin về căn hộ chung cư tái định cư | Diện tích căn hộ (m ²) | Đơn giá (đồng/m ²) | Hệ số mua | Số tiền phải nộp để mua căn hộ chung cư tái định cư (đồng) | Ghi chú |
|----------------|---|------------------------------------|--------------------------------|-----------|--|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6)=(3)x(4)x(5) | (7) |
| | Xem xét tái định cư sau khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chính sách | | | | | Theo xác nhận ngày 14/4/2022 bà Nguyễn Thị Miên đang trực tiếp sinh sống tại nơi thu hồi đất và bán tự khai của người dân: |
| Tổng cộng: (E) | | | | | 0 | |

III. Tổng số tiền BT, HT và TĐC: (A)+(B)+(C)+(D) 95,062,000 đồng.

IV. Tổng các khoản khấu trừ phải nộp ngân sách: € 0 đồng.

V. Tổng tiền BT, HT và TĐC sau cân đối: (III)-(IV)

(- Nếu (V)>0 thì được nhận số tiền sau cân đối;

- Nếu (V)<0 thì phải nộp số tiền sau cân đối)

1. Cán bộ lập phương án:Nguyễn Đức Tuấn.....

2. Cán bộ kiểm tra phương án:Đỗ Minh Tuấn.....

3. Cán bộ thẩm định phương án:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Tiến Dũng

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hưng Quốc

Bằng chữ: Chín mươi lăm triệu, không trăm sáu mươi hai ngàn đồng./.